

**PHỤ LỤC DỰ THẢO**

**Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư  
Cổ Đô - Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa**

Ngày 08/10/2025

TT	Tên chủ sử dụng	Nguồn gốc đất	TK	Vị trí		Loại đất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền	Ghi chú
				Tờ BĐ	Số thửa								
<b>1</b>	<b>Ông: Lê Duy Chất (số CCCD 038079014993) và bà Nguyễn Thị Khuyên</b>		<b>8</b>									<b>64,685,600</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											14,308,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	833	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	357.70	40,000	1	14,308,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											2,861,600	2
	Lúa						m2		357.70	8,000	1	2,861,600	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											47,516,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		357.70	40,000	2	28,616,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*6*30	1080.00	17,500	1	18,900,000	3
<b>2</b>	<b>Bà: Nguyễn Thị Sinh (số CCCD 038163010252)</b>		<b>8</b>									<b>95,400,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											18,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	834	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	450.00	40,000	1	18,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											3,600,000	2
	Lúa						m2		450.00	8,000	1	3,600,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											73,800,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		450.00	40,000	2	36,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*12*30	2160.00	17,500	1	37,800,000	3
<b>3</b>	<b>Bà: Lê Thị Hoa (số CCCD 038162013445)</b>		<b>8</b>									<b>80,780,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											15,400,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	835	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	385.00	40,000	1	15,400,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											3,080,000	2
	Lúa						m2		385.00	8,000	1	3,080,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											62,300,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		385.00	40,000	2	30,800,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	5*12*30	1800.00	17,500	1	31,500,000	3
<b>4</b>	<b>Ông: Lê Nguyên Cường (số CCCD 038067008349) và bà Lê Thị Luận</b>		<b>8</b>									<b>71,920,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											14,600,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	857	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	365.00	40,000	1	14,600,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											2,920,000	2
	Lúa						m2		365.00	8,000	1	2,920,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											54,400,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		365.00	40,000	2	29,200,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	8*6*30	1440.00	17,500	1	25,200,000	3
<b>5</b>	<b>Bà: Trịnh Thị Thanh (số CCCD 038169009886)</b>		<b>8</b>									<b>82,900,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											20,000,000	1

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	906	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	500.00	40,000	1	20,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											4,000,000	2
	Lúa						m2		500.00	8,000	1	4,000,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											58,900,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		500.00	40,000	2	40,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*6*30	1080.00	17,500	1	18,900,000	3
6	<b>Ông: Nguyễn Công Hải (số CCCD 038049003230) và bà Lê Thị Thành</b>		<b>8</b>									<b>73,450,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											20,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	907	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	500.00	40,000	1	20,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											4,000,000	2
	Lúa						m2		500.00	8,000	1	4,000,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											49,450,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		500.00	40,000	2	40,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	3*6*30	540.00	17,500	1	9,450,000	3
7	<b>Bà: Nguyễn Thị Liên (số CCCD 038151003426)</b>		<b>8</b>									<b>75,025,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											20,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	908	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	500.00	40,000	1	20,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											4,000,000	2
	Lúa						m2		500.00	8,000	1	4,000,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											51,025,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		500.00	40,000	2	40,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	7*3*30	630.00	17,500	1	11,025,000	3
8	<b>Ông: Nguyễn Tiên Phong (số CCCD 038093006020)-A&amp;S- Bà Hoàng Thị Minh (số CCCD 038158008634) và ông: Nguyễn Hữu Thú</b>		<b>8</b>									<b>85,324,800</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											26,664,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	971	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	666.60	40,000	1	26,664,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											5,332,800	2
	Lúa						m2		666.60	8,000	1	5,332,800	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											53,328,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		666.60	40,000	2	53,328,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg						3
9	<b>Ông: Nguyễn Hữu Hải (số CCCD 038071011419) và bà Đào Thị Bình</b>		<b>8</b>									<b>184,048,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											49,640,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	972	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1241.00	40,000	1	49,640,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											9,928,000	2
	Lúa						m2		1241.00	8,000	1	9,928,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											124,480,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1241.00	40,000	2	99,280,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	4*12*30	1440.00	17,500	1	25,200,000	3

Chưa ký BBKK

Kiểm tra lại khẩu

10	<b>Ông: Nguyễn Tiên Phong (số CCCD 038093006020)- A&amp;S- Doãn Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Vạc</b>	8										128,000	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											40,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1001	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1.00	40,000	1		40,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											8,000	2
	Lúa					m2		1.00	8,000	1		8,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											80,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1.00	40,000	2		80,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao					0	3
11	<b>Ông: Lê Thế Thành (số CCCD 038061005578) và bà Nguyễn Thị Dung</b>	8										226,612,800	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											59,004,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	905	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	426.10	40,000	1		17,044,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1024	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1049.00	40,000	1		41,960,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											11,800,800	2
	Lúa					m2		1475.10	8,000	1		11,800,800	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											155,808,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1475.10	40,000	2		118,008,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	6*12*30	2160.00	17,500	1		37,800,000	3
12	<b>Ông: Lê Xuân Tuấn- A&amp;S- Nguyễn Hữu Trình (số CCCD 038060001411)</b>	8										122,560,000	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											38,300,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1025	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	957.50	40,000	1		38,300,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											7,660,000	2
	Lúa					m2		957.50	8,000	1		7,660,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											76,600,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		957.50	40,000	2		76,600,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg							3
13	<b>Ông: Nguyễn Tiên Phong (số CCCD 038093006020)- A&amp;S- Lê Xuân Vân và bà Hoàng Thị Thiệp</b>	8										4,044,800	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											1,264,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1026	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	31.60	40,000	1		1,264,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											252,800	2
	Lúa					m2		31.60	8,000	1		252,800	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											2,528,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		31.60	40,000	2		2,528,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao					0	3

14	<b>Ông: Nguyễn Hữu Thanh (số CCCD 038048223291) và bà Nguyễn Thị Hạnh</b>	8										<b>64,427,200</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											16,196,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1057	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	151.90	40,000	1		6,076,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1073	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	253.00	40,000	1		10,120,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											3,239,200	2
	Lúa					m2		404.90	8,000	1		3,239,200	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											44,992,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		404.90	40,000	2		32,392,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	4*6*30	720.00	17,500	1		12,600,000	3
15	<b>Ông: Lê Xuân Thanh (số CCCD 038078022111) và bà Nguyễn Thị Tâm</b>	8										<b>53,068,800</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											16,584,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1074	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	414.60	40,000	1		16,584,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											3,316,800	2
	Lúa					m2		414.60	8,000	1		3,316,800	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											33,168,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		414.60	40,000	2		33,168,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao					0	3
16	<b>Hộ bà: Doãn Thị Hợi (số CCCD 038164008946)</b>	8										<b>15,961,600</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											4,988,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1075	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	124.70	40,000	1		4,988,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											997,600	2
	Lúa					m2		124.70	8,000	1		997,600	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											9,976,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		124.70	40,000	2		9,976,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao						3
17	<b>Hộ bà: Lê Thị Ụt</b>	8										<b>16,601,600</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											5,188,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1076	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	129.70	40,000	1		5,188,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											1,037,600	2
	Lúa					m2		129.70	8,000	1		1,037,600	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											10,376,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		129.70	40,000	2		10,376,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao					0	3
18	<b>Bà: Lê Thị Minh (số CCCD 038183020493) và ông Nguyễn Hữu Khanh</b>	8										<b>26,380,800</b>	0

I	<i>Bồi thường đất:</i>										8,244,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1077	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	206.10	40,000	1	8,244,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										1,648,800		2
	Lúa					m2		206.10	8,000	1	1,648,800		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										16,488,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		206.10	40,000	2	16,488,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
19	<b>Bà: Lê Thị Thụ (số CCCD 038168010165)</b>		<b>8</b>								<b>32,320,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										10,100,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1078	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	252.50	40,000	1	10,100,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										2,020,000		2
	Lúa					m2		252.50	8,000	1	2,020,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										20,200,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		252.50	40,000	2	20,200,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
20	<b>Ông: Nguyễn Hữu Định và bà Lê Thị Sửu (số CCCD 038130001034)</b>		<b>8</b>								<b>37,734,400</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										11,792,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1079	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	294.80	40,000	1	11,792,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										2,358,400		2
	Lúa					m2		294.80	8,000	1	2,358,400		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										23,584,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		294.80	40,000	2	23,584,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
21	<b>Ông: Lê Sỹ Mừng (số CCCD 038071008075)</b>		<b>8</b>								<b>12,736,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										3,980,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1104	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	99.50	40,000	1	3,980,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										796,000		2
	Lúa					m2		99.50	8,000	1	796,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										7,960,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		99.50	40,000	2	7,960,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
22	<b>Ông: Lê Hồng Chi (số CCCD 038045002325) và bà Phạm Thị Năm</b>		<b>8</b>								<b>19,993,600</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										6,248,000		1



	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2307	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	844.00	40,000	1	33,760,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										6,752,000	2
	Lúa					m2		844.00	8,000	1	6,752,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										105,320,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		844.00	40,000	2	67,520,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	6*12*30	2160.00	17,500	1	37,800,000	3
27	<b>Ông: Đoàn Văn Nam (số CCCD 038073016104) và bà Mai Thị Lệ</b>		<b>9</b>								<b>155,076,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										34,680,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	881	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	834.00	40,000	1	33,360,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1615	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	33.00	40,000	1	1,320,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										6,936,000	2
	Lúa					m2		867.00	8,000	1	6,936,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										113,460,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		867.00	40,000	2	69,360,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	7*12*30	2520.00	17,500	1	44,100,000	3
28	<b>Bà: Nguyễn Thị Hiệp (số CCCD 038149004020) và ông: Lê Duy Sắt (chết)</b>		<b>9</b>								<b>227,934,400</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										67,292,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	882	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1583.30	40,000	1	63,332,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1038	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	99.00	40,000	1	3,960,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										13,458,400	2
	Lúa					m2		1682.30	8,000	1	13,458,400	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										147,184,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1682.30	40,000	2	134,584,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	2*12*30	720.00	17,500	1	12,600,000	3
29	<b>Ông: Trần Văn Kỳ (số CCCD 038071002111) và bà Trần Thị Hưng</b>		<b>9</b>								<b>248,460,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										67,800,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	883	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	939.00	40,000	1	37,560,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2310	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	756.00	40,000	1	30,240,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										13,560,000	2
	Lúa					m2		1695.00	8,000	1	13,560,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										167,100,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1695.00	40,000	2	135,600,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	5*12*30	1800.00	17,500	1	31,500,000	3
30	<b>Bà: Trần Thị Thuận (số CCCD 038162009808)</b>		<b>9</b>								<b>152,760,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										43,800,000	1

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	976	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1045.00	40,000	1	41,800,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2304	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										8,760,000	2
	Lúa					m2		1095.00	8,000	1	8,760,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										100,200,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1095.00	40,000	2	87,600,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	2*12*30	720.00	17,500	1	12,600,000	3
31	<b>Ông: Lê Công Dân và bà Lê Thị Ngân</b>		<b>9</b>								<b>221,142,400</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										61,232,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1005	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1464.00	40,000	1	58,560,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1641	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	66.80	40,000	1	2,672,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										12,246,400	2
	Lúa					m2		1530.80	8,000	1	12,246,400	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										147,664,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1530.80	40,000	2	122,464,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	4*12*30	1440.00	17,500	1	25,200,000	3
32	<b>Ông: Đào Trọng Phú (số CCCD 038055005179) và bà Lê Thị Đông</b>		<b>9</b>								<b>189,564,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										41,520,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1032	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1038.00	40,000	1	41,520,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										8,304,000	2
	Lúa					m2		1038.00	8,000	1	8,304,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										139,740,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1038.00	40,000	2	83,040,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	9*12*30	3240.00	17,500	1	56,700,000	3
33	<b>Bà Nguyễn Thị Thịnh (số CCCD 038152014682) và Ông: Lê Văn Thục (chết)</b>		<b>9</b>								<b>86,573,600</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										21,148,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1034	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	467.00	40,000	1	18,680,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1612	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	61.70	40,000	1	2,468,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										4,229,600	2
	Lúa					m2		528.70	8,000	1	4,229,600	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										61,196,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		528.70	40,000	2	42,296,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	6*6*30	1080.00	17,500	1	18,900,000	3
34	<b>Ông: Doãn Văn Thông (số 038059008029) và bà: Lê Thị Mai</b>		<b>9</b>								<b>300,056,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										74,080,000	1

K ký

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1058	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1852.00	40,000	1	74,080,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										14,816,000		2
	Lúa					m2		1852.00	8,000	1	14,816,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										211,160,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1852.00	40,000	2	148,160,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	10*12*30	3600.00	17,500	1	63,000,000		3
35	<b>Ông: Lê Xuân Hùng (số CCCD 038068007509) và bà Lê Thị Liên</b>		<b>9</b>								<b>93,068,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										19,240,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1061	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	481.00	40,000	1	19,240,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										3,848,000		2
	Lúa					m2		481.00	8,000	1	3,848,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										69,980,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		481.00	40,000	2	38,480,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	5*12*30	1800.00	17,500	1	31,500,000		3
36	<b>Ông: Hoàng Công Sĩ (Sỹ) (số CCCD 038075013789) và bà: Lê Thị Hiền</b>		<b>9</b>								<b>181,076,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										50,680,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1080	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1200.00	40,000	1	48,000,000	1183	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1688	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	67.00	40,000	1	2,680,000	1183	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										10,136,000		2
	Lúa					m2		1267.00	8,000	1	10,136,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										120,260,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1267.00	40,000	2	101,360,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	3*12*30	1080.00	17,500	1	18,900,000		3
37	<b>Ông: Đào Khả Chấn và bà: Đào Thị Hương (số CCCD 038178004609)</b>		<b>9</b>								<b>185,100,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										48,000,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1081	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1200.00	40,000	1	48,000,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										9,600,000		2
	Lúa					m2		1200.00	8,000	1	9,600,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										127,500,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1200.00	40,000	2	96,000,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	5*12*30	1800.00	17,500	1	31,500,000		3
38	<b>Ông: Hoàng Văn Tiến (số CCCD 038071004031) và bà: Lê Thị Thuận</b>		<b>9</b>								<b>227,952,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										63,360,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1082	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1584.00	40,000	1	63,360,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										12,672,000		2
	Lúa					m2		1584.00	8,000	1	12,672,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										151,920,000		4

	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1584.00	40,000	2	126,720,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	4*12*30	1440.00	17,500	1	25,200,000	3
<b>39</b>	<b>Bà: Tạ Thị Hồng (số CCCD)</b>		<b>9</b>								<b>130,836,000</b>	<b>0</b>
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										34,980,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1083	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	874.50	40,000	1	34,980,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										6,996,000	2
	Lúa					m2		874.50	8,000	1	6,996,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										88,860,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		874.50	40,000	2	69,960,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	6*6*30	1080.00	17,500	1	18,900,000	3
<b>40</b>	<b>Ông: Lê Bình (số CCCD 038064013230) và bà Nguyễn Thị Chiên</b>		<b>9</b>								<b>60,523,200</b>	<b>0</b>
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										14,976,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1106	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	324.40	40,000	1	12,976,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2305	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										2,995,200	2
	Lúa					m2		374.40	8,000	1	2,995,200	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										42,552,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		374.40	40,000	2	29,952,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	4*6*30	720.00	17,500	1	12,600,000	3
<b>41</b>	<b>Ông: Trần Ngọc Tuấn (số CCCD 038068010513) và bà Lê Thị Hoa</b>		<b>9</b>								<b>63,030,800</b>	<b>0</b>
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										16,744,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1107	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	368.60	40,000	1	14,744,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64			LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										3,348,800	2
	Lúa					m2		418.60	8,000	1	3,348,800	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										42,938,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		418.60	40,000	2	33,488,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	3*6*30	540.00	17,500	1	9,450,000	3
<b>42</b>	<b>Ông: Trần Đình Đô (số CCCD038067004387) và bà: Lê Thị Hà</b>		<b>9</b>								<b>50,280,800</b>	<b>0</b>
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										13,744,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	860	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	33.00	40,000	1	1,320,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước		57	1108	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	310.60	40,000	1	12,424,000	
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										2,748,800	2
	Lúa					m2		343.60	8,000	1	2,748,800	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										33,788,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		343.60	40,000	2	27,488,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	2*6*30	360.00	17,500	1	6,300,000	3
<b>43</b>	<b>Ông: Hoàng Văn Đăm (số CCCD) và bà Nguyễn Thị Phút</b>		<b>9</b>								<b>72,335,200</b>	<b>0</b>
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										20,636,000	1

Kiểm tra lại khẩu

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1124	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	515.90	40,000	1	20,636,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										4,127,200	2
	Lúa					m2		515.90	8,000	1	4,127,200	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										47,572,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		515.90	40,000	2	41,272,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	2*6*30	360.00	17,500	1	6,300,000	3
44	<b>Ông: Lê Văn Ngát (số CCCD 038064001534) và bà Nguyễn Thị Lý</b>		<b>9</b>								<b>21,606,400</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										6,752,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1125	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	118.80	40,000	1	4,752,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1713	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										1,350,400	2
	Lúa					m2		168.80	8,000	1	1,350,400	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										13,504,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		168.80	40,000	2	13,504,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
45	<b>Bà Trần Thị Tuyết (số CCCD 038151002031) và ông: Nguyễn Văn Hoan (chết)</b>		<b>9</b>								<b>166,848,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										52,140,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1126	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1203.50	40,000	1	48,140,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1651	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										10,428,000	2
	Lúa					m2		1303.50	8,000	1	10,428,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										104,280,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1303.50	40,000	2	104,280,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	đã chết					3
46	<b>Ông: Lê Thế Cự (số CCCD 038048009222) và bà: Nguyễn Thị Dung</b>		<b>9</b>								<b>32,396,800</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										10,124,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1127	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	253.10	40,000	1	10,124,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										2,024,800	2
	Lúa					m2		253.10	8,000	1	2,024,800	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										20,248,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		253.10	40,000	2	20,248,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
47	<b>Ông: Lê Cao Chiến (số CCCD 038055005175) và bà Lê Thị Sáp</b>		<b>9</b>								<b>212,322,000</b>	0

I	<i>Bồi thường đất:</i>										59,460,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1129	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1288.50	40,000	1	51,540,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1667	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	198.00	40,000	1	7,920,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										11,892,000		2
	Lúa					m2		1486.50	8,000	1	11,892,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										140,970,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1486.50	40,000	2	118,920,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	7*6*30	1260.00	17,500	1	22,050,000		3
48	<b>Ông: Lê Thế Kiên (số CCCD 038070012072) và bà: Lê Thị Loan</b>		<b>9</b>								<b>4,224,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										1,320,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1597	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	33.00	40,000	1	1,320,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										264,000		2
	Lúa					m2		33.00	8,000	1	264,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										2,640,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		33.00	40,000	2	2,640,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
49	<b>Ông: Hoàng Văn Sỏi (số CCCD 038048003001)</b>		<b>9</b>								<b>29,734,400</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										9,292,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1600	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	232.30	40,000	1	9,292,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										1,858,400		2
	Lúa					m2		232.30	8,000	1	1,858,400		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										18,584,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		232.30	40,000	2	18,584,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
50	<b>Ông: Lê Văn Kế (số CCCD 038079021850)</b>		<b>9</b>								<b>12,800,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1601	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										800,000		2
	Lúa					m2		100.00	8,000	1	800,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										8,000,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		100.00	40,000	2	8,000,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao		17,500	1	0		3
51	<b>Ông: Lê Thế Lượng (số CCCD 038067002552) và bà Lê Thị Gái</b>		<b>9</b>								<b>6,784,000</b>		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										2,120,000		1

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1603	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	53.00	40,000	1	2,120,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											424,000	2
	Lúa						m2		53.00	8,000	1	424,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											4,240,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		53.00	40,000	2	4,240,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
52	<b>Ông: Hoàng Văn Hoạch (số CCCD 038062010230)</b>			<b>9</b>								<b>8,576,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											2,680,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1604	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	67.00	40,000	1	2,680,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											536,000	2
	Lúa						m2		67.00	8,000	1	536,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											5,360,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00	40,000	2	5,360,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao		17,500	1	0	3
53	<b>Bà: Lê Thị Hiệp (Thành) số CCCD 038164010665</b>			<b>9</b>								<b>5,798,400</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											1,812,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1614	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	45.30	40,000	1	1,812,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											362,400	2
	Lúa						m2		45.30	8,000	1	362,400	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											3,624,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		45.30	40,000	2	3,624,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
54	<b>Ông: Đoàn Văn Minh (số CCCD 038064011125) và bà: Lê Thị Xuân</b>			<b>9</b>								<b>8,576,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											2,680,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1619	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	67.00	40,000	1	2,680,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											536,000	2
	Lúa						m2		67.00	8,000	1	536,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>											5,360,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00	40,000	2	5,360,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
55	<b>Ông: Lê Thế Chất- Lê Thế Vũ và bà: Trần Thị Tý (số CCCD 038132001107)</b>			<b>9</b>								<b>271,912,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>											73,160,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	837	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	1729.00	40,000	1	69,160,000	1

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1620	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										14,632,000	2
	Lúa					m2		1829.00	8,000	1	14,632,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										184,120,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		1829.00	40,000	2	146,320,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	6*12*30	2160.00	17,500	1	37,800,000	3
56	<b>Hộ bà: Đào Thị Chắt (số CCCD 038145002887)</b>		9								<b>6,400,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										2,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1622	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										400,000	2
	Lúa					m2		50.00	8,000	1	400,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										4,000,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		50.00	40,000	2	4,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
57	<b>Ông: Hoàng Công Ký (số CCCD 038056006705) và bà: Lê Thị Hoàn</b>		9								<b>8,576,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										2,680,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1623	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	67.00	40,000	1	2,680,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										536,000	2
	Lúa					m2		67.00	8,000	1	536,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										5,360,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		67.00	40,000	2	5,360,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
58	<b>Ông: Đào Trọng Hùng (số CCCD 038055005176) và bà: Trương Thị Tư</b>		9								<b>12,800,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1628	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										800,000	2
	Lúa					m2		100.00	8,000	1	800,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										8,000,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		100.00	40,000	2	8,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg			17,500	1	0	3
59	<b>Ông: Trần Ngọc Tiến (số CCCD 038070017773)</b>		9								<b>6,400,000</b>	0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										2,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1632	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										400,000	2
	Lúa					m2		50.00	8,000	1	400,000	2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										4,000,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		50.00	40,000	2	4,000,000	2

	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	17,500	1	0	3	
<b>60</b>	<b>Bà: Nguyễn Thị Chụng (số CCCD)</b>		<b>9</b>							<b>6,400,000</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>									2,000,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1633	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>									400,000	2	
	Lúa					m2		50.00	8,000	1	400,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>									4,000,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		50.00	40,000	2	4,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	17,500	1	0	3	
<b>61</b>	<b>Ông: Tạ Hồng Ngọc (số CCCD 038075001425) và bà: Nguyễn Thị Thúy</b>		<b>9</b>							<b>3,840,000</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>									1,200,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2301	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	30.00	40,000	1	1,200,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>									240,000	2	
	Lúa					m2		30.00	8,000	1	240,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>									2,400,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		30.00	40,000	2	2,400,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	17,500	1	0	3	
<b>62</b>	<b>Ông: Đoàn Văn Bắc (số CCCD 038065000210) và bà: Lê Thị Tuyết</b>		<b>9</b>							<b>11,520,000</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>									3,600,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1636	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	90.00	40,000	1	3,600,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>									720,000	2	
	Lúa					m2		90.00	8,000	1	720,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>									7,200,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		90.00	40,000	2	7,200,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	17,500	1	0	3	
<b>63</b>	<b>Ông: Đoàn Văn Thạch (số CCCD 038057002662) và bà: Nguyễn Thị Liêm</b>		<b>9</b>							<b>8,588,800</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>									2,684,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1638	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	67.10	40,000	1	2,684,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>									536,800	2	
	Lúa					m2		67.10	8,000	1	536,800	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>									5,368,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		67.10	40,000	2	5,368,000	2

	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	17,500	1	0	3	
<b>64</b>	<b>Ông: Tạ Hồng Sơn (số CCCD 038046002123) và bà: Nguyễn Thị Dung</b>		<b>9</b>								<b>12,800,000</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1640	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										800,000	2	
	Lúa						m2		100.00	8,000	1	800,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										8,000,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00	40,000	2	8,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao		17,500	1	0	3
<b>65</b>	<b>Bà: Lê Thị Thi (số CCCD 038151003544) và ông: Đoàn Văn Kim (chết)</b>		<b>9</b>								<b>12,800,000</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1646	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										800,000	2	
	Lúa						m2		100.00	8,000	1	800,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										8,000,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00	40,000	2	8,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao		17,500	1	0	3
<b>66</b>	<b>Ông: Hoàng Bình Sáu (số CCCD 038056002649) và bà: Lê Thị Thơm</b>		<b>9</b>								<b>12,800,000</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1648	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										800,000	2	
	Lúa						m2		100.00	8,000	1	800,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										8,000,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00	40,000	2	8,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
<b>67</b>	<b>Ông: Nguyễn Văn Hùng (số CCCD 038062003323) và bà: Đào Thị Ngọc</b>		<b>9</b>								<b>12,800,000</b>	0	
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000	1	
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1649	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										800,000	2	
	Lúa						m2		100.00	8,000	1	800,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>										8,000,000	4	
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00	40,000	2	8,000,000	2

	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
<b>68</b>	<b>Ông: Hoàng Văn Luận (số CCCD 038045002324) và bà: Lê Thị Bảo</b>		<b>9</b>									<b>12,800,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											4,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1652	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											800,000	2
	Lúa						m2		100.00	8,000	1	800,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											8,000,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00	40,000	2	8,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao		17,500	1	0	3
<b>69</b>	<b>Ông: Nguyễn Văn Hưng (số CCCD 038064000527) và bà: Lê Thị Lộc</b>		<b>9</b>									<b>6,400,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											2,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1655	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											400,000	2
	Lúa						m2		50.00	8,000	1	400,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											4,000,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		50.00	40,000	2	4,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao		17,500	1	0	3
<b>70</b>	<b>Ông: Hoàng Văn Do (số CCCD 038057008408) và bà: Lê Thị Thoa</b>		<b>9</b>									<b>51,268,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											2,240,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1660	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	56.00	40,000	1	2,240,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											448,000	2
	Lúa						m2		56.00	8,000	1	448,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											48,580,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		56.00	40,000	2	4,480,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	7*12*30	2520.00	17,500	1	44,100,000	3
<b>71</b>	<b>Ông: Nguyễn Văn Sơn (số CCCD 038054000438) và bà: Trần Thị Vân</b>		<b>9</b>									<b>21,120,000</b>	0
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>											6,600,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2315	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	165.00	40,000	1	6,600,000	1
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>											1,320,000	2
	Lúa						m2		165.00	8,000	1	1,320,000	2
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>											13,200,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		165.00	40,000	2	13,200,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3



I	<i>Bồi thường đất:</i>										5,000,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1685	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	125.00	40,000	1	5,000,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										1,000,000		2
	Lúa					m2		125.00	8,000	1	1,000,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										10,000,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		125.00	40,000	2	10,000,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
77	<b>Ông: Nguyễn Văn Hòa (số CCCD 038055004470) và bà: Nguyễn Thị Tảo</b>		9								11,520,000		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										3,600,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1692	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	90.00	40,000	1	3,600,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										720,000		2
	Lúa					m2		90.00	8,000	1	720,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										7,200,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		90.00	40,000	2	7,200,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg					0		3
78	<b>Ông: Nguyễn Đức Ba (số CCCD 038056005483) và bà: Trần Thị Vạn</b>		9								12,800,000		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1693	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	100.00	40,000	1	4,000,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										800,000		2
	Lúa					m2		100.00	8,000	1	800,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										8,000,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		100.00	40,000	2	8,000,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao		17,500	1	0		3
79	<b>Ông: Lê Văn Sinh (số CCCD 038060004843) và bà: Lê Thị Tâm</b>		9								8,576,000		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										2,680,000		1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1691	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	67.00	40,000	1	2,680,000		1
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										536,000		2
	Lúa					m2		67.00	8,000	1	536,000		2
III	<i>Hỗ trợ:</i>										5,360,000		4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		67.00	40,000	2	5,360,000		2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0		3
80	<b>Ông: Trần Văn Hinh (số CCCD 038053004244) và bà: Nguyễn Thị Nga</b>		9								12,800,000		0
I	<i>Bồi thường đất:</i>										4,000,000		1



	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1727	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	53.50	40,000	1	2,140,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1728	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	53.40	40,000	1	2,136,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1730	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.80	40,000	1	2,032,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2288	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	331.00	40,000	1	13,240,000	1
<b>II</b>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										3,909,600	2
	Lúa					m2		488.70	8,000	1	3,909,600	2
<b>III</b>	<i>Hỗ trợ:</i>										39,096,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		488.70	40,000	2	39,096,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
<b>85</b>	<b>Bà: Lê Thị Nhung (Nam)</b>		<b>9</b>								<b>14,720,000</b>	0
<b>I</b>	<i>Bồi thường đất:</i>										4,600,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	1605	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	115.00	40,000	1	4,600,000	1
<b>II</b>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										920,000	2
	Lúa					m2		115.00	8,000	1	920,000	2
<b>III</b>	<i>Hỗ trợ:</i>										9,200,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		115.00	40,000	2	9,200,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
<b>86</b>	<b>Ông Nguyễn Văn Tấn</b>		<b>9</b>								<b>8,576,000</b>	0
<b>I</b>	<i>Bồi thường đất:</i>										2,680,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2300	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	67.00	40,000	1	2,680,000	1
<b>II</b>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										536,000	2
	Lúa					m2		67.00	8,000	1	536,000	2
<b>III</b>	<i>Hỗ trợ:</i>										5,360,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		67.00	40,000	2	5,360,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
<b>87</b>	<b>Ông: Nguyễn Ngọc Huệ</b>		<b>9</b>								<b>6,400,000</b>	0
<b>I</b>	<i>Bồi thường đất:</i>										2,000,000	1
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64	57	2302	LUC	m2	Theo trích lục BD và BC nguồn gốc đất	50.00	40,000	1	2,000,000	1
<b>II</b>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>										400,000	2
	Lúa					m2		50.00	8,000	1	400,000	2
<b>III</b>	<i>Hỗ trợ:</i>										4,000,000	4
	Hỗ trợ tạo việc làm					m2		50.00	40,000	2	4,000,000	2
	Hỗ trợ ổn định đời sống					khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao				0	3
<b>I</b>	<b>Tổng</b>										<b>6,132,917,400</b>	



**PHỤ LỤC DỰ THẢO**

**Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư  
Cổ Đô - Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa**

TT	Tên chủ sử dụng	Nguồn gốc đất	TK	Vị trí		Loại đất	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
				Tờ BĐ	Số thửa				
<b>1</b>	<b>Ong: Lê Duy Chât (số CCCD 038079014993) và bà Nguyễn Thị Khuyên</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	833	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	357.70
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		357.70
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		357.70
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*6*30	1080.00
<b>2</b>	<b>Bà: Nguyễn Thị Sinh (số CCCD 038163010252)</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	834	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	450.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		450.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		450.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*12*30	2160.00

<b>3</b>	<b>Bà: Lê Thị Hoa (số CCCD 038162013445)</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	835	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	385.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		385.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		385.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	5*12*30	1800.00
<b>4</b>	<b>Ông: Lê Nguyên Cường (số CCCD 038067008349) và bà Lê Thị Luận</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	857	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	365.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		365.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		365.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	8*6*30	1440.00
<b>5</b>	<b>Bà: Trịnh Thị Thanh (số CCCD 038169009886)</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	906	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	500.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								

	Lúa						m2		500.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		500.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	6*6*30	1080.00
6	<b>Ông: Nguyễn Công Hải (số CCCD 038049003230) và bà Lê Thị Thành</b>		<b>8</b>						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	907	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	500.00
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		500.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		500.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	3*6*30	540.00
7	<b>Bà: Nguyễn Thị Liên (số CCCD 038151003426)</b>		<b>8</b>						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	908	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	500.00
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		500.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		500.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	7*3*30	630.00

8	<b>Ông: Nguyễn Tiên Phong (số CCCD 038093006020)-A&amp;S- Bà Hoàng Thị Minh (số CCCD 038158008634) và ông: Nguyễn Hữu Thú</b>		8						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	971	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	666.60
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		666.60
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		666.60
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg		
9	<b>Ông: Nguyễn Hữu Hải (số CCCD 038071011419) và bà Đào Thị Bình</b>		8						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	972	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1241.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1241.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1241.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	4*12*30	1440.00
10	<b>Ông: Nguyễn Tiên Phong (số CCCD 038093006020)- A&amp;S- Doãn Văn Hanh và bà Nguyễn Thị Vạc</b>		8						

I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1001	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
11	<b>Ông: Lê Xuân Tuấn- A&amp;S- Nguyễn Hữu Trình (số CCCD 038060001411)</b>		<b>8</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1025	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	957.50
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		957.50
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		957.50
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg		
12	<b>Ông: Nguyễn Tiên Phong (số CCCD 038093006020)- A&amp;S- Lê Xuân Vân và bà Hoàng Thị Thiện</b>		<b>8</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1026	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	31.60
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		31.60
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		31.60
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>13</b>	<b>Ông: Nguyễn Hữu Thanh (số CCCD 038048223291) và bà Nguyễn Thị Hạnh</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1057	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	151.90
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1073	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	253.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		404.90
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		404.90
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	4*6*30	720.00
<b>14</b>	<b>Ông: Lê Xuân Thanh (số CCCD 038078022111) và bà Nguyễn Thị Tâm</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1074	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	414.60
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		414.60
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		414.60
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>15</b>	<b>Hộ bà: Doãn Thị Hợi (số CCCD 038164008946)</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1075	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	124.70
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		124.70
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		124.70
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>16</b>	<b>Hộ bà: Lê Thị Ut</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1076	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	129.70
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		129.70

III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		129.70
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
17	<b>Bà: Lê Thị Minh (số CCCD 038183020493) và ông Nguyễn Hữu Khanh</b>		<b>8</b>						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1077	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	206.10
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		206.10
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		206.10
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
18	<b>Bà: Lê Thị Thụ (số CCCD 038168010165)</b>		<b>8</b>						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1078	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	252.50
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		252.50
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		252.50

	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>19</b>	<b>Ông: Nguyễn Hữu Định và bà Lê Thị Sửu (số CCCD 038130001034)</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1079	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	294.80
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		294.80
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		294.80
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>20</b>	<b>Ông: Lê Sỹ Mừng (số CCCD 038071008075)</b>		<b>8</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1104	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	99.50
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		99.50
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		99.50
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	

21	<b>Ông: Phan Xuân Hồng và bà Lê Thị Hà (số CCCD 038164031144)</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1698	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	30.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		30.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		30.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
22	<b>Ông: Trần Văn Toàn (số CCCD 038065003616) và bà: Lê Thị Hằng</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	858	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1115.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1686	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	33.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1148.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1148.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	2*12*30	720.00

23	<b>Ông: Nguyễn Văn Khoa ( số CCCD 038077011622) - Nguyễn Văn Khôi và bà: Trần Thị Lai</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	859	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	2368.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		2368.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		2368.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	3*12*30	1080.00
24	<b>Ông: Hoàng Văn Vũ (số CCCD 038070012073) và bà Lê Thị Hà (số CCCD 038174002381)</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2307	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	844.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		844.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		844.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*12*30	2160.00
25	<b>Ông: Đoàn Văn Nam (số CCCD 038073016104) và bà Mai Thị Lệ</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	881	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	834.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1615	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	33.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		867.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		867.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	7*12*30	2520.00
<b>26</b>	<b>Bà: Nguyễn Thị Hiệp (số CCCD 038149004020) và Ông: Lê Duy Sắt (chết)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	882	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1650.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1038	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	99.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1749.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1749.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	2*12*30	720.00
<b>27</b>	<b>Bà: Trần Thị Thuận (số CCCD 038162009808)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	976	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1045.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2304	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1095.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1095.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	2*12*30	720.00
<b>28</b>	<b>Ông: Lê Công Dân và bà Lê Thị Ngân</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1005	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1464.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1641	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	<b>66.80</b>
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1530.80
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1530.80
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	4*12*30	1440.00
<b>29</b>	<b>Ông: Đào Trọng Phú (số CCCD 038055005179) và bà Lê Thị Đông</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1032	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1038.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1038.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1038.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	9*12*30	3240.00
<b>30</b>	<b>Bà Nguyễn Thị Thịnh (số CCCD 038152014682) và Ông: Lê Văn Thục (chết)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1034	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	467.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1621	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	61.70
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		528.70
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		528.70
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*6*30	1080.00
<b>31</b>	<b>Ông: Lê Xuân Hùng (số CCCD 038068007509) và bà Lê Thị Liên</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1061	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	481.00

II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		481.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		481.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	5*12*30	1800.00
32	<b>Ông: Hoàng Công Sĩ (Sỹ) (số CCCD 038075013789) Và bà: Lê Thị Hiền</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1080	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1200.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1688	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1267.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1267.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	3*12*30	1080.00
33	<b>Ông: Đào Khả Chấn Và bà: Đào Thị Hương (số CCCD 038178004609)</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1081	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1200.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1200.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								

	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1200.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	5*12*30	1800.00
<b>34</b>	<b>Ông: Lê Bình (số CCCD 038064013230) và bà Nguyễn Thị Chiến</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1106	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	324.40
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2305	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		374.40
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		374.40
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	4*6*30	720.00
<b>35</b>	<b>Ông: Trần Ngọc Tuấn (số CCCD 038068010513) và bà Lê Thị Hoa</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1107	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	368.60
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64				LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		418.60
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		418.60
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	3*6*30	540.00

36	<b>Ông: Trần Đình Đô (số CCCD038067004387) và bà: Lê Thị Hà</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	860	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	33.00
	Đất chuyên trồng lúa nước			57	1108	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	310.60
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		343.60
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		343.60
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	5*6*30	900.00
37	<b>Ông: Hoàng Văn Đám (số CCCD) và bà Nguyễn Thị Phút</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1124	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	515.90
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		515.90
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		515.90
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	2*6*30	360.00
38	<b>Ông: Lê Văn Ngát (số CCCD 038064001534) và bà Nguyễn Thị Lý</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1125	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	118.80
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1713	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		168.80
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		168.80
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>39</b>	<b>Ông: Lê Thế Cự (số CCCD 038048009222) và bà: Nguyễn Thị Dung</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1127	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	253.10
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		253.10
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		253.10
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>40</b>	<b>Ông: Lê Cao Chiến (số CCCD 038055005175) và bà Lê Thị Sáp</b>		<b>9</b>						

I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1129	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1288.50
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1667	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	198.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1486.50
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1486.50
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	7*6*30	1260.00
41	<b>Ông: Lê Thế Kiên (số CCCD 038070012072) và bà: Lê Thị Loan</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1597	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	33.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		33.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		33.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
42	<b>Ông: Hoàng Văn Sỏi (số CCCD 038048003001)</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1600	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	232.30
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		232.30
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		232.30
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
43	<b>Ông: Lê Văn Kế (số CCCD 038079021850)</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1601	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
44	<b>Ông: Hoàng Văn Hoạch (số CCCD 038062010230)</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1604	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								

	Lúa						m2		67.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
45	<b>Bà: Lê Thị Hiệp (Thành) số CCCD 038164010665</b>		<b>9</b>						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1614	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	45.30
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		45.30
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		45.30
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
46	<b>Ông: Đoàn Văn Minh (Số CCCD 038064011125) và bà: Lê Thị Xuân</b>		<b>9</b>						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1619	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		67.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00

	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
47	<b>Ông: Lê Thế Chất- Lê Thế Vũ và bà: Trần Thị Tý (số CCCD 038132001107)</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	837	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	1729.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1620	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		1829.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		1829.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	7*12*30	2520.00
48	<b>Hộ bà: Đào Thị Chắt (số CCCD 038145002887)</b>		9						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1622	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		50.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		50.00

	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>49</b>	<b>Ông: Hoàng Công Ký (số CCCD 038056006705) và bà: Lê Thị Hoàn</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1623	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		67.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>50</b>	<b>Ông: Đào Trọng Hùng (số CCCD 038055005176) và bà: Trương Thị Tư</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1628	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg		

<b>51</b>	<b>Ông: Trần Ngọc Tiến (số CCCD 038070017773)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1632	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		50.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		50.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>52</b>	<b>Bà: Nguyễn Thị Chụng (số CCCD)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1633	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		50.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		50.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>53</b>	<b>Ông: Tạ Hồng Ngọc (số CCCD 038075001425) và bà: Nguyễn Thị Thúy</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2301	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	30.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		30.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		30.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>54</b>	<b>Ông: Đoàn Văn Bắc (số CCCD 038065000210) và bà: Lê Thị Tuyết</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1636	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	90.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		90.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		90.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>55</b>	<b>Ông: Đoàn Văn Thạch (số CCCD 038057002662) và bà: Nguyễn Thị Liêm</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1638	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.10
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		67.10
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.10
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>56</b>	<b>Ông: Tạ Hồng Sơn (số CCCD 038046002123) và bà: Nguyễn Thị Dung</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1640	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>57</b>	<b>Bà: Lê Thị Thi (số CCCD 038151003544) và ông: Doãn Văn Kim (chết)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1646	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>58</b>	<b>Ông: Hoàng Bình Sáu (số CCCD 038056002649) và bà: Lê Thị Thơm</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1648	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>59</b>	<b>Ông: Nguyễn Văn Hùng (số CCCD 038062003323) và bà: Đào Thị Ngọc</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1649	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>60</b>	<b>Ông: Hoàng Văn Luận (số CCCD 038045002324) và bà: Lê Thị Bảo</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1652	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>61</b>	<b>Ông: Nguyễn Văn Hưng (số CCCD 038064000527) và bà: Lê Thị Lộc</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1655	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		50.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		50.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
62	<b>Ông: Hoàng Văn Do (số CCCD 038057008408) và bà: Lê Thị Thoa</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1660	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	56.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		56.00
III	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		56.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	7*12*30	2520.00
63	<b>Ông: Nguyễn Văn Sơn (số CCCD 038054000438) và bà: Trần Thị Vân</b>		<b>9</b>						
I	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2315	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	165.00
II	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								

	Lúa						m2		165.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		165.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
64	<b>Ông: Nguyễn Văn Hải (số CCCD 038062010762) và bà: Lê Thị Ngân</b>		9						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1664	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	60.00
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		60.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		60.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
65	<b>Bà: Trần Thị Năm (số CCCD 038159008407)</b>		9						
I	Bồi thường đất:								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2294	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
II	Bồi thường cây cối, hoa màu:								
	Lúa						m2		67.00
III	Hỗ trợ:								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00

	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>66</b>	<b>Bà: Trần Thị Liệu (số CCCD 038162010399)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2306	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		67.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>67</b>	<b>Bà Lê Thị Hòa (số CCCD 038172028997) và bà Nguyễn Thị Thông (chết)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2293	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	88.40
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		88.40
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		88.40
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	

<b>68</b>	<b>Ông: Lê Văn Dũng (số CCCD 038063003871) và bà: Lê Thị Thành</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1685	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	125.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		125.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		125.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>69</b>	<b>Ông: Nguyễn Văn Hòa (số CCCD 038055004470) và bà: Nguyễn Thị Tảo</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1692	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	90.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		90.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		90.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg		
<b>70</b>	<b>Ông: Lê Văn Sinh (số CCCD 038060004843) và bà: Lê Thị Tâm</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1691	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		67.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>71</b>	<b>Ông: Trần Văn Hình (số CCCD 038053004244) và bà: Nguyễn Thị Nga</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1696	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	100.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		100.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		100.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khẩu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>72</b>	<b>Ông: Lê Sỹ Sử (số CCCD 038077005357) và bà: Nguyễn Thị Liên</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1700	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	42.90
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		42.90
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		42.90
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>73</b>	<b>Ông: Nguyễn Văn Mão (số CCCD 038039000936) và bà Lê Thị Khôi</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1702	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	69.00
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1128	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	761.90
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		830.90
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		830.90
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	6*6*30	1080.00
<b>74</b>	<b>Ông: Lê Văn Thóc (số CCCD 038067004948) và bà: Hoàng Thị Dật (chết)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								

	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1727	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	53.50
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1728	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	53.40
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1730	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.80
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2288	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	331.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		488.70
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		488.70
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>75</b>	<b>Bà: Lê Thị Nhung (Nam)</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	1605	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	115.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		115.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		115.00

	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>76</b>	<b>Ông Nguyễn Văn Tấn</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2300	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	67.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		67.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		67.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>77</b>	<b>Ông: Nguyễn Ngọc Huệ</b>		<b>9</b>						
<i>I</i>	<i>Bồi thường đất:</i>								
	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất giao theo Nghị định 64		57	2302	LUC	m2	Theo trích lục BĐ và BC nguồn gốc đất	50.00
<i>II</i>	<i>Bồi thường cây cối, hoa màu:</i>								
	Lúa						m2		50.00
<i>III</i>	<i>Hỗ trợ:</i>								
	Hỗ trợ tạo việc làm						m2		50.00
	Hỗ trợ ổn định đời sống						khâu*tháng*kg	Diện tích thu hồi dưới 30% tổng diện tích được giao	
<b>I</b>	<b>Tổng</b>								
<b>II</b>	<b>Chi phí thực hiện GPMB</b>								

<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>							
------------	------------------	--	--	--	--	--	--	--

Đất	1,259,888,000
HTTVL	2,519,776,000
ODĐS	685,125,000
Lúa	251,977,600
3%	141,502,998
	<b>4,858,269,598</b>

Ngày 08/10/2025

<b>Đơn giá</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
		<b>64,685,600</b>	0
		14,308,000	1
40,000	1	14,308,000	1
		2,861,600	2
8,000	1	2,861,600	2
		47,516,000	5
40,000	2	28,616,000	3
17,500	1	18,900,000	4
		<b>95,400,000</b>	0
		18,000,000	1
40,000	1	18,000,000	1
		3,600,000	2
8,000	1	3,600,000	2
		73,800,000	5
40,000	2	36,000,000	3
17,500	1	37,800,000	4

		<b>80,780,000</b>		0
		15,400,000		1
40,000	1	15,400,000		1
		3,080,000		2
8,000	1	3,080,000		2
		62,300,000		5
40,000	2	30,800,000		3
17,500	1	31,500,000		4
		<b>71,920,000</b>		0
		14,600,000		1
40,000	1	14,600,000		1
		2,920,000		2
8,000	1	2,920,000		2
		54,400,000		5
40,000	2	29,200,000		3
17,500	1	25,200,000		4
		<b>82,900,000</b>		0
		20,000,000		1
40,000	1	20,000,000		1
		4,000,000		2

8,000	1	4,000,000		2
		58,900,000		5
40,000	2	40,000,000		3
17,500	1	18,900,000		4
		<b>73,450,000</b>		0
		20,000,000		1
40,000	1	20,000,000		1
		4,000,000		2
8,000	1	4,000,000		2
		49,450,000		5
40,000	2	40,000,000		3
17,500	1	9,450,000		4
		<b>75,025,000</b>		0
		20,000,000		1
40,000	1	20,000,000		1
		4,000,000		2
8,000	1	4,000,000		2
		51,025,000		5
40,000	2	40,000,000		3
17,500	1	11,025,000		4

**Chưa ký BBKK**

		<b>85,324,800</b>		0
		26,664,000		1
40,000	1	26,664,000		1
		5,332,800		2
8,000	1	5,332,800		2
		53,328,000		5
40,000	2	53,328,000		3
				4
		<b>184,048,000</b>		0
		49,640,000		1
40,000	1	49,640,000		1
		9,928,000		2
8,000	1	9,928,000		2
		124,480,000		5
40,000	2	99,280,000		3
17,500	1	25,200,000		4
		<b>128,000</b>		0

**Kiểm tra lại khẩu**

		40,000	1
40,000	1	40,000	1
		8,000	2
8,000	1	8,000	2
		80,000	5
40,000	2	80,000	3
		0	4
		<b>122,560,000</b>	0
		38,300,000	1
40,000	1	38,300,000	1
		7,660,000	2
8,000	1	7,660,000	2
		76,600,000	5
40,000	2	76,600,000	3
			4
		<b>4,044,800</b>	0
		1,264,000	1

40,000	1	1,264,000		1
		252,800		2
8,000	1	252,800		2
		2,528,000		5
40,000	2	2,528,000		3
		0		4
		<b>64,427,200</b>		0
		16,196,000		1
40,000	1	6,076,000		1
40,000	1	10,120,000		1
		3,239,200		2
8,000	1	3,239,200		2
		44,992,000		5
40,000	2	32,392,000		3
17,500	1	12,600,000		4
		<b>53,068,800</b>		0
		16,584,000		1

40,000	1	16,584,000		1
		3,316,800		2
8,000	1	3,316,800		2
		33,168,000		5
40,000	2	33,168,000		3
		0		4
		<b>15,961,600</b>		0
		4,988,000		1
40,000	1	4,988,000		1
		997,600		2
8,000	1	997,600		2
		9,976,000		5
40,000	2	9,976,000		3
				4
		<b>16,601,600</b>		0
		5,188,000		1
40,000	1	5,188,000		1
		1,037,600		2
8,000	1	1,037,600		2

		10,376,000	5
40,000	2	10,376,000	3
		0	4
		<b>26,380,800</b>	0
		8,244,000	1
40,000	1	8,244,000	1
		1,648,800	2
8,000	1	1,648,800	2
		16,488,000	5
40,000	2	16,488,000	3
		0	4
		<b>32,320,000</b>	0
		10,100,000	1
40,000	1	10,100,000	1
		2,020,000	2
8,000	1	2,020,000	2
		20,200,000	5
40,000	2	20,200,000	3

		0	4
		<b>37,734,400</b>	0
		11,792,000	1
40,000	1	11,792,000	1
		2,358,400	2
8,000	1	2,358,400	2
		23,584,000	5
40,000	2	23,584,000	3
		0	4
		<b>12,736,000</b>	0
		3,980,000	1
40,000	1	3,980,000	1
		796,000	2
8,000	1	796,000	2
		7,960,000	5
40,000	2	7,960,000	3
		0	4

		<b>3,840,000</b>		0
		1,200,000		1
40,000	1	1,200,000		1
		240,000		2
8,000	1	240,000		2
		2,400,000		5
40,000	2	2,400,000		3
		0		4
		<b>159,544,000</b>		0
		45,920,000		1
40,000	1	44,600,000		1
40,000	1	1,320,000		1
		9,184,000		2
8,000	1	9,184,000		2
		104,440,000		5
40,000	2	91,840,000		3
17,500	1	12,600,000		4

		<b>322,004,000</b>	0
		94,720,000	1
40,000	1	94,720,000	1
		18,944,000	2
8,000	1	18,944,000	2
		208,340,000	5
40,000	2	189,440,000	3
17,500	1	18,900,000	4
		<b>145,832,000</b>	0
		33,760,000	1
40,000	1	33,760,000	1
		6,752,000	2
8,000	1	6,752,000	2
		105,320,000	5
40,000	2	67,520,000	3
17,500	1	37,800,000	4
		<b>155,076,000</b>	0
		34,680,000	1

40,000	1	33,360,000		1
40,000	1	1,320,000		1
		6,936,000		2
8,000	1	6,936,000		2
		113,460,000		5
40,000	2	69,360,000		3
17,500	1	44,100,000		4
		<b>236,472,000</b>		0
		69,960,000		1
40,000	1	66,000,000		1
40,000	1	3,960,000		1
		13,992,000		2
8,000	1	13,992,000		2
		152,520,000		5
40,000	2	139,920,000		3
17,500	1	12,600,000		4
		<b>152,760,000</b>		0
		43,800,000		1

40,000	1	41,800,000		1
40,000	1	2,000,000		1
		8,760,000		2
8,000	1	8,760,000		2
		100,200,000		5
40,000	2	87,600,000		3
17,500	1	12,600,000		4
		<b>221,142,400</b>		0
		61,232,000		1
40,000	1	58,560,000		1
40,000	1	2,672,000		1
		12,246,400		2
8,000	1	12,246,400		2
		147,664,000		5
40,000	2	122,464,000		3
17,500	1	25,200,000		4
		<b>189,564,000</b>		0
		41,520,000		1

40,000	1	41,520,000	1
		8,304,000	2
8,000	1	8,304,000	2
		139,740,000	5
40,000	2	83,040,000	3
17,500	1	56,700,000	4
		<b>86,573,600</b>	0
		21,148,000	1
40,000	1	18,680,000	1
40,000	1	2,468,000	1
		4,229,600	2
8,000	1	4,229,600	2
		61,196,000	5
40,000	2	42,296,000	3
17,500	1	18,900,000	4
		<b>93,068,000</b>	0
		19,240,000	1
40,000	1	19,240,000	1

		3,848,000		2
8,000	1	3,848,000		2
		69,980,000		5
40,000	2	38,480,000		3
17,500	1	31,500,000		4
		<b>181,076,000</b>		0
		50,680,000		1
40,000	1	48,000,000	1183	1
40,000	1	2,680,000	1183	1
		10,136,000		2
8,000	1	10,136,000		2
		120,260,000		5
40,000	2	101,360,000		3
17,500	1	18,900,000		4
		<b>185,100,000</b>		0
		48,000,000		1
40,000	1	48,000,000		1
		9,600,000		2
8,000	1	9,600,000		2
		127,500,000		5

40,000	2	96,000,000	3
17,500	1	31,500,000	4
		<b>60,523,200</b>	0
		14,976,000	1
40,000	1	12,976,000	1
40,000	1	2,000,000	1
		2,995,200	2
8,000	1	2,995,200	2
		42,552,000	5
40,000	2	29,952,000	3
17,500	1	12,600,000	4
		<b>63,030,800</b>	0
		16,744,000	1
40,000	1	14,744,000	1
40,000	1	2,000,000	1
		3,348,800	2
8,000	1	3,348,800	2
		42,938,000	5
40,000	2	33,488,000	3
17,500	1	9,450,000	4

		<b>59,730,800</b>		0
		13,744,000		1
40,000	1	1,320,000		1
40,000	1	12,424,000		1
		2,748,800		2
8,000	1	2,748,800		2
		43,238,000		5
40,000	2	27,488,000		3
17,500	1	15,750,000		4
		<b>72,335,200</b>		0
		20,636,000		1
40,000	1	20,636,000		1
		4,127,200		2
8,000	1	4,127,200		2
		47,572,000		5
40,000	2	41,272,000		3
17,500	1	6,300,000		4
		<b>21,606,400</b>		0
		6,752,000		1

**Kiểm tra lại khẩu**

40,000	1	4,752,000		1
40,000	1	2,000,000		1
		1,350,400		2
8,000	1	1,350,400		2
		13,504,000		5
40,000	2	13,504,000		3
		0		4
		<b>32,396,800</b>		0
		10,124,000		1
40,000	1	10,124,000		1
		2,024,800		2
8,000	1	2,024,800		2
		20,248,000		5
40,000	2	20,248,000		3
		0		4
		<b>212,322,000</b>		0

		59,460,000		1
40,000	1	51,540,000		1
40,000	1	7,920,000		1
		11,892,000		2
8,000	1	11,892,000		2
		140,970,000		5
40,000	2	118,920,000		3
17,500	1	22,050,000		4
		<b>4,224,000</b>		0
		1,320,000		1
40,000	1	1,320,000		1
		264,000		2
8,000	1	264,000		2
		2,640,000		5
40,000	2	2,640,000		3
		0		4
		<b>29,734,400</b>		0
		9,292,000		1

40,000	1	9,292,000		1
		1,858,400		2
8,000	1	1,858,400		2
		18,584,000		5
40,000	2	18,584,000		3
		0		4
		<b>12,800,000</b>		0
		4,000,000		1
40,000	1	4,000,000		1
		800,000		2
8,000	1	800,000		2
		8,000,000		5
40,000	2	8,000,000		3
17,500	1	0		4
		<b>8,576,000</b>		0
		2,680,000		1
40,000	1	2,680,000		1
		536,000		2

8,000	1	536,000		2
		5,360,000		5
40,000	2	5,360,000		3
17,500	1	0		4
		<b>5,798,400</b>		0
		1,812,000		1
40,000	1	1,812,000		1
		362,400		2
8,000	1	362,400		2
		3,624,000		5
40,000	2	3,624,000		3
		0		4
		<b>8,576,000</b>		0
		2,680,000		1
40,000	1	2,680,000		1
		536,000		2
8,000	1	536,000		2
		5,360,000		5
40,000	2	5,360,000		3

		0	4
		<b>278,212,000</b>	0
		73,160,000	1
40,000	1	69,160,000	1
40,000	1	4,000,000	1
		14,632,000	2
8,000	1	14,632,000	2
		190,420,000	5
40,000	2	146,320,000	3
17,500	1	44,100,000	4
		<b>6,400,000</b>	0
		2,000,000	1
40,000	1	2,000,000	1
		400,000	2
8,000	1	400,000	2
		4,000,000	5
40,000	2	4,000,000	3

		0	4
		<b>8,576,000</b>	0
		2,680,000	1
40,000	1	2,680,000	1
		536,000	2
8,000	1	536,000	2
		5,360,000	5
40,000	2	5,360,000	3
		0	4
		<b>12,800,000</b>	0
		4,000,000	1
40,000	1	4,000,000	1
		800,000	2
8,000	1	800,000	2
		8,000,000	5
40,000	2	8,000,000	3
17,500	1	0	4

		<b>6,400,000</b>		0
		2,000,000		1
40,000	1	2,000,000		1
		400,000		2
8,000	1	400,000		2
		4,000,000		5
40,000	2	4,000,000		3
17,500	1	0		4
		<b>6,400,000</b>		0
		2,000,000		1
40,000	1	2,000,000		1
		400,000		2
8,000	1	400,000		2
		4,000,000		5
40,000	2	4,000,000		3
17,500	1	0		4
		<b>3,840,000</b>		0
		1,200,000		1

40,000	1	1,200,000		1
		240,000		2
8,000	1	240,000		2
		2,400,000		5
40,000	2	2,400,000		3
17,500	1	0		4
		<b>11,520,000</b>		0
		3,600,000		1
40,000	1	3,600,000		1
		720,000		2
8,000	1	720,000		2
		7,200,000		5
40,000	2	7,200,000		3
17,500	1	0		4
		<b>8,588,800</b>		0
		2,684,000		1

40,000	1	2,684,000		1
		536,800		2
8,000	1	536,800		2
		5,368,000		5
40,000	2	5,368,000		3
17,500	1	0		4
		<b>12,800,000</b>		0
		4,000,000		1
40,000	1	4,000,000		1
		800,000		2
8,000	1	800,000		2
		8,000,000		5
40,000	2	8,000,000		3
17,500	1	0		4
		<b>12,800,000</b>		0
		4,000,000		1

40,000	1	4,000,000	1
		800,000	2
8,000	1	800,000	2
		8,000,000	5
40,000	2	8,000,000	3
17,500	1	0	4
		<b>12,800,000</b>	0
		4,000,000	1
40,000	1	4,000,000	1
		800,000	2
8,000	1	800,000	2
		8,000,000	5
40,000	2	8,000,000	3
		0	4
		<b>12,800,000</b>	0
		4,000,000	1

40,000	1	4,000,000	1
		800,000	2
8,000	1	800,000	2
		8,000,000	5
40,000	2	8,000,000	3
		0	4
		<b>12,800,000</b>	0
		4,000,000	1
40,000	1	4,000,000	1
		800,000	2
8,000	1	800,000	2
		8,000,000	5
40,000	2	8,000,000	3
17,500	1	0	4
		<b>6,400,000</b>	0
		2,000,000	1

40,000	1	2,000,000		1
		400,000		2
8,000	1	400,000		2
		4,000,000		5
40,000	2	4,000,000		3
17,500	1	0		4
		<b>51,268,000</b>		0
		2,240,000		1
40,000	1	2,240,000		1
		448,000		2
8,000	1	448,000		2
		48,580,000		5
40,000	2	4,480,000		3
17,500	1	44,100,000		4
		<b>21,120,000</b>		0
		6,600,000		1
40,000	1	6,600,000		1
		1,320,000		2

8,000	1	1,320,000	2
		13,200,000	5
40,000	2	13,200,000	3
		0	4
		<b>7,680,000</b>	0
		2,400,000	1
40,000	1	2,400,000	1
		480,000	2
8,000	1	480,000	2
		4,800,000	5
40,000	2	4,800,000	3
17,500	1	0	4
		<b>8,576,000</b>	0
		2,680,000	1
40,000	1	2,680,000	1
		536,000	2
8,000	1	536,000	2
		5,360,000	5
40,000	2	5,360,000	3

17,500	1	0	4
		<b>8,576,000</b>	0
		2,680,000	1
40,000	1	2,680,000	1
		536,000	2
8,000	1	536,000	2
		5,360,000	5
40,000	2	5,360,000	3
		0	4
		<b>11,315,200</b>	0
		3,536,000	1
40,000	1	3,536,000	1
		707,200	2
8,000	1	707,200	2
		7,072,000	5
40,000	2	7,072,000	3
17,500	1	0	4

		<b>16,000,000</b>	0
		5,000,000	1
40,000	1	5,000,000	1
		1,000,000	2
8,000	1	1,000,000	2
		10,000,000	5
40,000	2	10,000,000	3
		0	4
		<b>11,520,000</b>	0
		3,600,000	1
40,000	1	3,600,000	1
		720,000	2
8,000	1	720,000	2
		7,200,000	5
40,000	2	7,200,000	3
		0	4
		<b>8,576,000</b>	0
		2,680,000	1

40,000	1	2,680,000	1
		536,000	2
8,000	1	536,000	2
		5,360,000	5
40,000	2	5,360,000	3
		0	4
		<b>12,800,000</b>	0
		4,000,000	1
40,000	1	4,000,000	1
		800,000	2
8,000	1	800,000	2
		8,000,000	5
40,000	2	8,000,000	3
		0	4
		<b>5,491,200</b>	0
		1,716,000	1

40,000	1	1,716,000		1
		343,200		2
8,000	1	343,200		2
		3,432,000		5
40,000	2	3,432,000		3
		0		4
		<b>125,255,200</b>		0
		33,236,000		1
40,000	1	2,760,000		1
40,000	1	30,476,000		1
		6,647,200		2
8,000	1	6,647,200		2
		85,372,000		5
40,000	2	66,472,000		3
17,500	1	18,900,000		4
		<b>62,553,600</b>		0
		19,548,000		1

40,000	1	2,140,000		1
40,000	1	2,136,000		1
40,000	1	2,032,000		1
40,000	1	13,240,000		1
		3,909,600		2
8,000	1	3,909,600		2
		39,096,000		5
40,000	2	39,096,000		3
		0		4
		<b>14,720,000</b>		0
		4,600,000		1
40,000	1	4,600,000		1
		920,000		2
8,000	1	920,000		2
		9,200,000		5
40,000	2	9,200,000		3

		0	4
		<b>8,576,000</b>	0
		2,680,000	1
40,000	1	2,680,000	1
		536,000	2
8,000	1	536,000	2
		5,360,000	5
40,000	2	5,360,000	3
		0	4
		<b>6,400,000</b>	0
		2,000,000	1
40,000	1	2,000,000	1
		400,000	2
8,000	1	400,000	2
		4,000,000	5
40,000	2	4,000,000	3
		0	4
		<b>4,716,766,600</b>	
		<b>141,502,998</b>	

		<b>4,858,269,598</b>	
--	--	----------------------	--









*ĐVT: Đồng*

<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>29,634,900</b>	
9,421,500	
9,421,500	
1,370,400	
1,370,400	
18,843,000	
18,843,000	
0	
<b>29,634,900</b>	
<b>889,047</b>	
<b>30,523,947</b>	





